

Bản án số: 655/2021/KDTM-PT

Ngày: 29-11-2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Phong

Bà Trương Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Thy Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29-11-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2021/TLPT-KDTM ngày 27-01-2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2019/KDTM-ST ngày 21-11-2019 của Tòa án nhân dân Quận U bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3973/2021/QĐ-PT ngày 29-10-2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: Số 02 LH, phường TC, quận BD, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Quốc V, sinh năm 1978; là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền số 189/GUQ-NHNo.PMH ngày 20-5-2021) (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH TS

Địa chỉ: 53/20 Đường số 2, phường TQ, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn ML, sinh năm 1964; Địa chỉ: 60/10B THĐ, khóm ĐT B, phường MT, Thành phố LX, tỉnh An Giang, là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền số 01/2019/VP ngày 02-01-2019) (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Người kháng cáo: Công ty TNHH TS.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Ngân hàng N trình bày:

Ngày 22-8-2011 Công ty TNHH TS và Ngân hàng N – Chi nhánh Phú Mỹ Hưng đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 6240-LAV-201000248/HĐTD, với tổng số tiền ngân hàng cho công ty vay là 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng). Dư nợ hiện tại: 0 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh gỗ các loại.

Ngày 16-6-2017 và ngày 13-3-2018, Công ty Quản lý Tài sản của Các tổ chức Tín dụng Việt Nam (VAMC), đại diện theo ủy quyền là Ngân hàng N – Chi nhánh Phú Mỹ Hưng, khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận U, yêu cầu Công ty TNHH TS phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ:

- Nợ gốc: 0 đồng

- Nợ lãi (tạm tính đến ngày 09-3-2018): 7.541.691.953 đồng.

Ngày 14-3-2018, Ngân hàng N – Chi nhánh Phú Mỹ Hưng có “Đơn đề nghị rút đơn khởi kiện” đối với Công ty TNHH TS.

Ngày 11-4-2018, Tòa án nhân dân Quận U ra Quyết định đình chỉ số 24/2018/QĐST-KDTM.

Ngày 23-10-2018, Ngân hàng N, đại diện theo ủy quyền là Chi nhánh Phú Mỹ Hưng có đơn khởi kiện Công ty TNHH TS; Yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 7 buộc Công ty TNHH TS trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền lãi tính đến ngày 20-11-2019 là 7.282.706.412 đồng. Trường hợp Công ty TNHH TS chậm trả tiền khi bản án đã có hiệu lực pháp luật thì công ty phải trả thêm tiền lãi theo quy định pháp luật.

Lý do Ngân hàng N – Chi nhánh Phú Mỹ Hưng tiếp tục khởi kiện do Công ty TNHH TS vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi cho Ngân hàng.

Tại bản khai và biên bản hoà giải, Bị đơn Công ty TNHH TS trình bày:

Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH TS trả khoản nợ lãi tính đến ngày 19-10-2019 là 7.540.835.667 (Bảy tỷ năm trăm bốn mươi triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng. Công ty TNHH TS không đồng ý trả nợ lãi theo nguyên đơn yêu cầu với lý do:

- Năm 2017, VAMC đã khởi kiện Công ty TNHH TS theo Hợp đồng mua bán nợ số 15203/2015/MBN.VAMC1.AGRIBANK ký kết ngày 19-8-2015 (đơn khởi kiện số 183/PMH-KHKD ngày 16-6-2017 do ông Tạ Ngọc L – Giám đốc Chi nhánh Phú Mỹ Hưng là đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N, mà Ngân hàng N là đại diện theo ủy quyền của VAMC).

Nội dung khởi kiện:

+ Trả nợ gốc: 526.944.628 đồng

+ Nợ lãi: 7.542.048.208 đồng

+ Yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: 04 thửa đất của ông Lê Hoàng M tọa lạc tại Cần Thơ do ông M thế chấp với tư cách bảo lãnh cho Công ty TNHH TS.

Sau khi Tòa án nhân dân Quận U thụ lý, VAMC đã thỏa thuận với ông Lê Hoàng M xử lý tài sản thế chấp xong và rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên Tòa án nhân dân Quận 7 đình chỉ giải quyết vụ án mà không thông báo với Công ty TNHH TS. (Quyết định đình chỉ số 29/2018/QĐST-KDTM ngày 07-11-2018 do Ngân hàng N photo gửi Công ty ngày 24-4-2019). Trong khi giải quyết vụ án, Công ty TNHH TS có văn bản đề nghị miễn, giảm lãi và Ngân hàng N đã chấp thuận thu nợ gốc cộng 425.000.000 đồng lãi.

Công ty không biết về Hợp đồng mua bán nợ ngày 19-8-2015 giữa VAMC với Ngân hàng N vì VAMC chưa sao gửi cho Công ty thì đã rút yêu cầu khởi kiện.

Nay Ngân hàng N khởi kiện tranh chấp Hợp đồng tín dụng là không có cơ sở, bởi vì, số nợ theo Hợp đồng tín dụng của Công ty TNHH TS đã được bán cho VAMC, VAMC khởi kiện, xử lý xong tài sản thế chấp, thu hồi toàn bộ nợ gốc và một phần nợ lãi theo đề nghị của Công ty TNHH TS nên đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Theo tài liệu, chứng cứ bên nguyên đơn cung cấp theo yêu cầu của công ty, có Hợp đồng Mua bán nợ số 12012/2017/BN.VAMC1-AGRIBANK ngày 29-12-2017, giá bán nợ là 1.076.944.628 đồng.

Hợp đồng có quy định tại khoản 3 Điều 3: “Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng này, bên B phải thông báo cho khách hàng vay, bên bảo đảm, bên có nghĩa vụ trả nợ...” nhưng tới ngày 24-4-2019, chúng tôi có yêu cầu thì Ngân hàng N mới giao tại Tòa án nhân dân Quận U.

Hợp đồng mua bán nợ này do hai bên xác lập trong thời gian Tòa án đang thụ lý, giải quyết tranh chấp, VAMC chưa rút đơn khởi kiện là chưa hợp lý.

Với các lý do trên, Công ty TNHH TS đề nghị Tòa án nhân dân Quận U xem xét, giải quyết:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do nguyên đơn không đủ điều kiện khởi kiện.

- Tuyên bố Hợp đồng mua bán nợ số 12012/2017/BN.VAMC1-AGRIBANK ngày 29-12-2017 giữa VAMC và Agribank là vô hiệu do giao dịch khi Tòa án đang thụ lý tranh chấp, bên bán chưa rút đơn khởi kiện (Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 29/2018/QĐST-KDTM ngày 07-11-2018)

- Công ty TNHH TS biết có Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 29/2018/QĐST-KDTM ngày 07-11-2018, Công ty TNHH TS không kháng cáo đối với Quyết định này.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Buộc Công ty TNHH TS trả cho Ngân hàng toàn bộ tiền lãi tính đến ngày 20-11-2019 là 7.282.706.412 đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Tại Bản án sơ thẩm số 88/2019/KDTM-ST ngày 21-11-2019 của Tòa án nhân dân Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 306 Luật Thương mại; Luật Phí và lệ phí của Tòa án; Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng N.

2. Buộc bị đơn là Công ty TNHH TS phải trả cho Ngân hàng N nợ lãi tính đến ngày 20-11-2019 là 7.282.706.412 đồng (Bảy tỷ hai trăm tám mươi hai triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn bốn trăm mười hai).

Trường hợp Công ty TNHH TS chậm thanh toán số tiền trên khi bản án đã có hiệu lực pháp luật, thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

5. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH TS phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 115.282.706 đồng (Một trăm mười lăm triệu hai trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm lẻ sáu).

Ngân hàng N không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 57.770.418 đồng (Năm mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi nghìn bốn trăm mười tám) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0026391 ngày 10-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10-3-2020, bị đơn Công ty TNHH TS có đơn kháng cáo yêu cầu: Tuyên bố Hợp đồng mua bán nợ số 12012/2017/BN ngày 29-12-2017 giữa VAMC và Agribank là vô hiệu; Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do không có quyền khởi kiện. Huỷ - Đình chỉ giải quyết đối với Bản án số 88/2019/KDTM-ST ngày 21-11-2019 của Tòa án nhân dân Quận U.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bác đơn kháng cáo của Công

ty TNHH TS đối với Bản án số 88/2019/KDTM-ST ngày 21-11-2019 của Tòa án nhân dân Quận 7. Buộc Công ty TNHH TS trả cho Ngân hàng N toàn bộ tiền lãi tính đến ngày 20-11-2019 là 7.282.706.412 đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo: Tuyên bố Hợp đồng mua bán nợ số 12012/2017/BN ngày 29-12-2017 giữa VAMC và Agribank là vô hiệu; Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do không có quyền khởi kiện. Huỷ - Đình chỉ giải quyết đối với Bản án số 88/2019/KDTM-ST ngày 21-11-2019 của Tòa án nhân dân Quận U.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Công ty TNHH TS, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 88/2019/KDTM-ST ngày 21-11-2019 của Tòa án nhân dân Quận U.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe các đương sự trình bày, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; người kháng cáo không rút kháng cáo nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty TNHH TS thanh toán tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng số 6240-LAV-201000248/HĐTD ngày 22-8-2011. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn có trụ sở tại số 53/20 Đường số 2, phường TQ, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó Tòa án nhân dân Quận U xét xử sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Kháng cáo của bị đơn hợp lệ nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp với quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn yêu cầu Tòa tuyên bố Hợp đồng mua bán nợ số 12012/2017/BN ngày 29-12-2017 giữa VAMC và Agribank là vô hiệu; Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do không có quyền khởi kiện. Huỷ - Đình chỉ giải quyết đối với Bản án số 88/2019/KDTM-ST ngày 21-11-2019 của Tòa án nhân dân Quận U.

[4] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời trình bày của đại diện nguyên đơn, bị đơn có cơ sở xác định: Bị đơn và nguyên đơn có ký kết Hợp đồng tín dụng số 6240-LAV-201000248/HĐTD ngày 22-8-2011. Ngày 19-8-2015, nguyên đơn Ngân hàng N và Công ty Quản lý Tài sản của Các tổ chức Tín dụng Việt Nam (VAMC) ký Hợp đồng mua, bán nợ số 15203/2015/MBN.VAMC1-AGRIBANK, theo đó nguyên đơn bán khoản nợ vay của bị đơn cho VAMC. Ngày 29-12-2017, VAMC ký Hợp đồng mua bán nợ số 12012/2017/BN.VAMC1-AGRIBANK bán lại khoản nợ của bị đơn cho nguyên đơn. Xét thấy, việc ký kết hợp đồng mua, bán nợ giữa VAMC và nguyên đơn đối với khoản nợ của bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật; không làm thay đổi nghĩa vụ của bị đơn đã cam kết tại Hợp đồng tín dụng số 6240-LAV-201000248/HĐTD ngày 22-8-2011. Đồng thời, căn cứ Điều 2 Quyết định đình chỉ số 29/2018/QĐST-KDTM ngày 11-4-2018 của Tòa án nhân dân Quận 7: *“Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ kiện theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự”*. Do đó, bị đơn yêu cầu tuyên bố Hợp đồng mua bán nợ số 12012/2017/BN ngày 29-12-2017 giữa VAMC và nguyên đơn là vô hiệu; Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do không có quyền khởi kiện là không có cơ sở.

[5] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, căn cứ Hợp đồng tín dụng số 6240-LAV-201000248/HĐTD ngày 22-8-2011, các Giấy nhận nợ, bảng tính lãi thể hiện đến ngày 21-12-2018, bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền gốc 526.944.628 đồng, lãi 7.965.835.667 đồng. Ngày 22-12-2017, nguyên đơn chấp thuận giảm tiền lãi 258.129.255 đồng theo văn bản đề nghị giảm lãi ngày 29-11-2017 của bị đơn. Cùng ngày 22-12-2017, bị đơn đã trả nợ gốc 526.944.628 đồng và tiền lãi 425.000.000 đồng. Như vậy, bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền lãi tổng cộng là 7.282.706.412 đồng. Do đó tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi 7.282.706.412 đồng là phù hợp với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng cũng như quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng; Khoản 1 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[6] Căn cứ quy định tại Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; việc tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự mà trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì áp dụng theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 306 Luật Thương mại để tuyên *“Trường hợp Công ty TNHH TS chậm thanh toán số tiền trên khi bản án đã có hiệu lực pháp luật, thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.”* là chưa phù hợp quy định của pháp luật, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[8] Những phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên căn cứ Điều 263 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH TS. Giữ nguyên các quyết định của Bản án sơ thẩm số 88/2019/KDTM-ST ngày 21-11-2019 của Tòa án nhân dân Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 273, Điều 280, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng N.

Buộc bị đơn là Công ty TNHH TS phải trả cho Ngân hàng N nợ lãi tính đến ngày 20-11-2019 là 7.282.706.412 đồng (Bảy tỷ, hai trăm tám mươi hai triệu, bảy trăm lẻ sáu nghìn, bốn trăm mười hai).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 6240-LAV-201000248/HĐTD ngày 22-8-2011.

2. Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH TS phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 115.282.706 đồng (Một trăm mười lăm triệu hai trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm lẻ sáu).

Ngân hàng N không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 57.770.418 đồng (Năm mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi nghìn bốn trăm mười tám) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0026391

ngày 10-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH TS phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 (Hai triệu) đồng, được căn trừ vào số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, L phí Tòa án số AA/2019/0041714 ngày 26-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP HCM;
- Tòa án nhân dân Quận U;
- Cục THADS TP HCM;
- Chi cục TTHADS Quận U;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trương Thị Quỳnh Trâm